TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1256**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tuyền.

2. Ông Đặng Văn Ẩn

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 555/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn".

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Vũ H**, sinh ngày 15/9/1987;

Số CCCD: 079187002*** ngày cấp 21/8/2022 tại cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Ánh T**, sinh ngày 28/01/1988;

Số CCCD: 079088002*** ngày cấp 25/7/2022 tại cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Vũ H và ông Nguyễn Ánh T thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 229, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 18 tháng 02 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8 (nay là Ủy ban nhân dân phường P), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Ngô Thị Vũ H và ông Nguyễn Ánh T cùng xác nhận có 02 con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Minh C (giới tính: Nữ), sinh ngày: 17/02/2016 và trẻ Nguyễn Ngô Thiện N (giới tính: Nam), sinh ngày 25/5/2009. Khi ly hôn, bà Ngô Thị Vũ H và ông Nguyễn Ánh T cùng thống nhất giao trẻ Nguyễn Ngọc Minh C cho bà Ngô Thị Vũ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao trẻ Nguyễn Ngô Thiện N cho ông Nguyễn Ánh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Vũ H và ông Nguyễn Ánh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Ngô Thị Vũ H và ông Nguyễn Ánh T đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị Vũ H tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà mà bà Ngô Thị Vũ H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/26E/0017214 ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Vũ H đã nộp đủ số tiền án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 –Tp HCM;
- Chi cục THADS Tp. HCM;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

2 000025 953204

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền